

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

LỚP MẪU GIÁO GHEP 3 - 5 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	3	Chiều cao, cân nặng cần đạt cuối độ tuổi		- Cân nặng của trẻ: Trai (12,7 – 21,2kg); Gái(12,3 – 21,5kg) - Chiều cao của trẻ: Trai (94,9 – 111,7cm); Gái(94,1 – 111,3cm)	9
2	5			- Cân nặng của trẻ: Trẻ trai: 15,9- 27,1 kg Trẻ gái:15,3 – 27,8 kg. - Chiều cao của trẻ: Trẻ trai: 106,1- 125,8cm ; Trẻ gái: 104,9- 125,4 cm.	
3	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,5 tuổi: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên	- Bước lên phía trước, bước sang ngang - Co duỗi chân - Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ	1->9
4	5	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Co và duỗi tay (bắt chéo 2 tay; hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao) - Cúi về phía trước, ngửa người ra sau - Quay sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải.	- Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau	
5	3	Biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Biết đi kiễng gót liên tục 3m.	* 3, 5 tuổi: - Bật (bật tại chỗ, bật liên tục vào vòng). (1,6) - Bật xa (20-25; 40-50 cm). (2)	- Đi kiễng gót (1,5) - Đi trong đường hẹp (2,8) - Bật tiến về phía trước (3,5)	1,2,35, 6,8

6	5	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn) (8) - Đi trên ván kê dốc.(7) - Đi nổi bàn chân tiến, lùi (2) - Đi bằng mép ngoài bàn chân (1) - Đi khụy gối. (5)	1,2,5,6,7,8
7	3	- Trẻ kiểm soát được vận động: - Trẻ biết đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Trẻ chạy được liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	* 3,5 T: - Đi thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh (4) (7) (9) - Chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh (3) (6) (7) (8) (9)	3,4,6,7,8,9
8	5	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		
9	3	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). - Lăn bóng với cô	- Lăn bóng với cô. (1) - Đập bắt bóng với cô. (6) - Tung bắt bóng với cô. (5) - Ném xa bằng 1 tay. (3,7)	1,3,5,6,7
10	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt bóng (1) + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. (5) + Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân (6) + Ném xa bằng 1 tay (3) + Ném xa bằng 2 tay (7) + Ném trúng đích bằng 1 tay (7) + Đi và đập bắt bóng. (6) - Bò, trườn, trèo: + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. (3) + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm (4)	1,3,4,5,6,7

			+ Trèo lên xuống 7 gióng thang (5)		
11	3	- Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò chui qua cổng - Bước lên, xuống bậc cao 30cm. - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. - Trườn theo hướng thẳng	* 3, 5 tuổi: - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang). (8) (9)	- Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang (6) - Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng dọc (4) - Bò theo hướng thẳng. (1) - Trườn về phía trước (4) - Bước lên, xuống bậc cao 30cm. (4) - Trườn theo hướng thẳng. (5) - Bò chui qua cổng. (3) - Bò theo đường đích dốc (2) - Trườn theo đường đích dốc (7)	1,2,3,4 5,6,7,8,9
12	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dốc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.		- Chạy chậm 100 - 120m (8) - Chạy 18m trong khoảng 10 giây (6) - Bò đích dốc qua 7 điểm (2) - Ném trúng đích bằng 2 tay (4) - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m- 5m. (1) - Bật- nhảy: + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45 cm) (3) + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô (4) + Bật qua vật cản cao 15-20cm (6) + Nhảy lò cò 5m (5)	1,2,3,4 5,6,8
13	3	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.		
14	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.		4

15	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	* 3,5T: - Cài, cởi cúc - Xé, tô	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Cài, cởi cúc	2,3,57, 8, 9
16	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)		- Lắp ráp. - Cắt đường vòng cung. - Đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn - Xâu, buộc dây	2,3,57, 8, 9
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
17	3	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). phù hợp với bối cảnh địa phương	* 3,5 tuổi: - Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.	- <i>Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc và món ăn quen thuộc. một số món ăn quen thuộc của dân tộc Thái,</i>	
18	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. <i>Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc Thái, Khơ Mú...</i>	2
19	3	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.		2,5,6
20	5	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.		3

		com, nấu cháo...		
21	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	*3,5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2
22	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		2
23	3	- Biết rửa tay, lau mặt, súc miệng nước muối để đề phòng một số bệnh truyền nhiễm khác - Biết tháo tất, cởi quần, áo	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo khi nóng bức - Tập sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	1,2,3
24		Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		3,4
25	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	1,2
26		Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Cách sử dụng các đồ dùng khi ăn.	3
27	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	1,2,3,7,8
28	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.		1

		- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường			
29	3	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	*3,5 tuổi: - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết, lựa chọn trang phục theo thời tiết.	<i>- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định theo ký hiệu của bạn trai, bạn gái. Khi ngủ trẻ về đúng dãy dành cho bạn trai hay bạn gái</i>	1,2,4,5,8
30	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.		- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	1,2,8
31	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	*3,5 tuổi: - <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</i> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số vật dụng có thể gây cháy, nổ.</i>		3,9
32	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			7

33	3	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	*3,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng. (Ao, hồ, mương, giếng nước, nước nóng..)	8
34	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.		8
35	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	*3,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	2
36	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		2
37	3	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	*3,5 tuổi: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ <i>- Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm</i> <i>- Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận bộ phận sinh dục, kêu cứu khi bị bắt cóc, dọa nạt.</i> <i>- Không theo và nhận quà từ người lạ, tránh xa người hút thuốc.</i>	3,7
38	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp		1,3,8

		đỡ - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ		
39		Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.+ Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	7

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

40	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	* 3,5T: - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	6,8
41		Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi, tác hại của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	1->3, 5->8
42		Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận		- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ	6,8

	5			tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi	
47		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi Một số đặc điểm tính chất của nước.	8
48		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.		- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau; xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận	4
49		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	8
50	3	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.		1,3,4,5,6.
51	5	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi 2-3 dấu hiệu - Phân loại một số phương tiện giao thông 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu		1,3,5,6.
52	3	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống		6,8
53	5	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa		8
54		Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.		5,6

55	3	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của âm nhạc, tạo hình, hoạt động chơi.	4->9	
56	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
57	3	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	*3,5 tuổi: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi (5, 10) và đếm theo khả năng	- 1 và nhiều. - Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.	1->9
58		Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.			
59		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
60	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe,...) - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	3,7 1,3,4,5 ,9 9
61		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.			
62		Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			
63		Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.			
64	3	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	*3,5 tuổi: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm; tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn (5 tuổi gộp/ tách		1,3,4,5 ,9
65		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			

66		Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm).	
67	5	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		1,3,4,5,9
68		Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe,...)	3,7
69	3	Trẻ có thể nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	6
70		Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.		7
71	5	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.	7
72		Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		
73	3	Trẻ có thể so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	6,7
74	5	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo, bằng các đơn vị đo khác nhau.	6,8
75	3	Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.	3,7
76	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. - Ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7
77	3	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	
78	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác (5 tuổi: với một vật nào đó làm chuẩn)	2

79		Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	8
80		Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ	- Nhận biết ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ	
81		Trẻ có thể phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	4
82		- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	2
c) Khám phá xã hội.				
83	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân	2
84	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân (trai, gái) khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính (trai, gái), đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. <i>- Nhận biết giới tính bản thân, hiểu biết về các bộ phận trên cơ thể, cách thức bảo vệ, có kỹ năng xử lý tình huống và cách phòng tránh nguy hiểm;</i>	2
85	3	Trẻ nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.	3
86		Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.		
87	5	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em), nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình (bản, đội, xã) <i>(gia đình người thái, khơ mú, đồ dùng đặc trưng trong gia đình của dân tộc thái, khơ mú...).</i>	3
88		Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.		
89	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1

90	5	Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
91		Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		1
92		Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		
93	3	Trẻ có thể kể tên tên và biết được sản phẩm của nghề nông (Trồng trọt, chăn nuôi), nghề xây dựng (thợ xây, thợ mộc, đan lát truyền thống)...khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm, các hoạt động và ích lợi của một số nghề phổ biến	4
94	5	Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. <i>nghề truyền thống của địa phương (dệt thổ cẩm, đan mây tre, nghề sản xuất; gạo tám, sắn củ, nhà sàn...).</i>	4
95	3	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, ngày hội 20/11, ngày tết nguyên đán, ngày 8/3, lễ hội hoa ban,... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ tổ quốc, ngày lễ hội (Ngày khai giảng, ngày hội 20/11, ngày tết nguyên đán, ngày 8/3, lễ hội hoa ban) của địa phương	1,3,4,6,9
96		- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh (Khu sinh thái Him Lam, suối nóng U Va, ...) ở địa phương.		9
97	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. (<i>Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban, Hội đền Hoàng Công Chất...</i>)	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội - <i>Quan tâm đến lễ hội của địa phương Điện Biên như : Lễ hội đền hoàng Công Chất, Lễ hội hoa ban...</i>	1,3,4,6,9
98		Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước		9

99		Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. <i>Noong Nhai, Hầm Đò cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng</i>	Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
100	3	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ"	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - <i>Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản bằng tiếng mẹ đẻ của trẻ</i>	4
101	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái",...	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - <i>Hiểu nội dung các câu, từ và làm theo 2, 3 yêu cầu liên tiếp bằng tiếng mẹ đẻ của trẻ</i>	4
102	3	Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi; quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc	1,3,5,6 ,7,9
103	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	1,3,5,6 ,7
104	3	Trẻ có thể lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- <i>Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng bằng tiếng mẹ đẻ của trẻ.</i>	3,4,8
105	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	4,5
106	3	Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - <i>Phát âm các từ chứa tiếng mẹ đẻ của trẻ Tiếng Khơ Mú, Thái</i>	5,7,8,9
107		Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		

108	5	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh, “tại sao”? ; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?” - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”	5,8
109		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh	2,6
110	3	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn, câu ghép.	*3,5 tuổi: Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu đơn ghép, câu đơn ghép khác nhau.	1,2,4,9
111	5	- Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...		4
112	3	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc. - <i>Kể lại một vài tình tiết của sự việc đã được chứng kiến bằng tiếng mẹ đẻ.</i>	7,9
113	5	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	- Kể lại một vài tình tiết của sự việc theo trình tự	2,6
114	3	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao..	*3,5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <i>Nghe những bài hát dân ca của dân tộc, địa phương trẻ.</i> - Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
115	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.		
116		Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..		
117	3	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	1,2,3,5 6,9
118	5	Trẻ biết kể thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung	- Kể lại sự việc theo trình tự.	7

		truyện.		
119	3	Trẻ có khả năng bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên	5,6,7,9
120	5	Trẻ biết đóng vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch	6
121	3	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	*3,5 tuổi: - Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	9
122	5	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		
123	3	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng", "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1
124	5	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. <i>Sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.</i>	1
125	3	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	*3,5 tuổi : - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - <i>Lắng nghe khi người lớn đọc sách.</i>	1
126	5	Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem.		4,6
127	3	Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật hiện tượng tranh ảnh, có sự giúp đỡ	5
128		Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	
129	5	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	1,2
130		Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh,	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển	7

		cắm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, biển báo giao thông...	báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)		
131	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.		7,8,9
132	5	Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái	1->9
133		Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		- Tô đồ các nét chữ cái. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. -	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội					
134	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	-Tên, tuổi, giới tính		1,2
135	5	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính(trai, gái) của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà (bản, đội, xã) hoặc điện thoại.	- Nói đúng họ tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân tên bố, mẹ, địa chỉ nhà (bản, đội, xã) hoặc điện thoại.		2,3
136	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích , không thích.		2
137	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.	- Sở thích (<i>Thích, không thích</i>), khả năng (<i>làm được, không làm được</i>) của bản thân		2
138		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. <i>Nhận biết giới tính bản thân(trai, gái), hiểu biết về các bộ phận trên cơ thể, cách thức bảo vệ.</i>	
139		Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.		3

140		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	1
141		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	1
142	5	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	3
143		Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác: hoạt động chơi, tạo hình...	5
144	3	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)		
145		Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	*3,5 tuổi: Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua (nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc).	1,2
146	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		2
147	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.	2
148		Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2
149	5	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. <i>Tránh một số hành vi gây ra bạo lực học đường.</i>	6
150		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	2
151	3	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	*3,5 tuổi: - Kính yêu Bác Hồ <i>- Có một số kỹ năng sống cơ bản về học tập và làm</i>	9

152		Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	<i>theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.</i>	
153	5	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc..).		
154		Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
155		Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn..) của quê hương, đất nước		
			- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội lịch sử, của quê hương, đất nước. <i>- Quan tâm đến lễ hội của địa phương Điện Biên như : Lễ hội đền hoàng Công Chất, Lễ hội hoa ban...</i> <i>- Một vài nét văn hóa địa phương: Trang phục áo côm, khăn piêu..</i>	
156	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Chờ đến lượt. - Nhận biết hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu". - Yêu mến, bố mẹ, anh chị, em ruột. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ	1,3,7
157	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu". - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.	1,3,7
158	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).	1,4
159	5	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.	3
160	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói		1,4
161	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác	1
162	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.	8

163	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn, chia sẻ.	4,7
164		Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt.	1
165		Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	4
166	3	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	*3,5 tuổi: - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	5,6
167	5	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.		
168		Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa..)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. <i>Bản làng, nơi trẻ ở, trường, lớp</i> - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	5,6
169		3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	4,9
170	5	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		4,9
171		Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.	8
172		<i>Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân</i>	- <i>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến</i>	7

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

173	3	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	*3,5 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. (5 tuổi: thể hiện thái độ, tình cảm)	3,4,8,9
174		Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		

175	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng			8,9
176		Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
177	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)		5->9
178	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) <i>- Nghe nhạc dân tộc của dân tộc trẻ.</i>		5->9
179	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	*3,5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.		1->9
180	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễm cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...		- Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. <i>- Hát các bài hát tiếng mẹ đẻ.</i>	
181	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	*3,5 tuổi: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu, giai điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.		1->9
182	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát.	

				bản nhạc.	
183	3	Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.		6,7
184	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.		
185	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.		1->9
186		Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.			5->8
187		Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.			2->6
188		Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.			4,7,8
189	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.		1->9
190		Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			5->8
191		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.			2->6
192		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			4,7,8
193	3	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	*3, 5 tuổi: - Nhận xét các sản phẩm tạo hình, về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục.		7

194	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.		6,7
195	3	Trẻ có thể vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	4,8,9
196	5	Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn). - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	7,8,9
197		Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.		
198	3	Trẻ có thể tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	7,8
199	5	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	8,9
200	3	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	*3,5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8,9
201	5			

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Vui

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	ĐC BS
Từ ngày 8/9 đến 3/10/2025	1	Trường mầm non - Tết trung thu	Bé vui đến trường (8/9 – 12/9)	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9	
			Trường, lớp mầm non của bé (15/9 – 19/9)	1		
			Đồ dùng, đồ chơi của bé (22/9 – 26/9)	1		
			Tết trung thu (29/9 - 3/10)	1		
Từ ngày 6/10 đến 31/10/2025	2	Bản thân	Bé giới thiệu về mình (6/10 - 10/10)	1		
			Cơ thể kì diệu của bé (13/10 - 17/10)	1		
			Cảm xúc của bé (20/10 -24/10)	1		
			Tôi cần gì để lớn và khỏe mạnh (27/10 - 31/10)	1		
Từ ngày 3/11 đến 28/11/2025	3	Gia đình - Ngày Nhà giáo việt Nam 20/11	Gia đình bé yêu (3/11 - 7/11)	1	- Ngày NGVN 20/11	
			Ngôi nhà của bé (10/11 - 14/11)	1		
			Ngày nhà giáo Việt Nam (17/11 – 21/11)	1		
			Nhu cầu gia đình bé (24/11– 28/11)	1		
Từ ngày 1/12 đến 26/12/2025	4	Một số nghề - Ngày 22/12	Nghề sản xuất (1/12 – 5/12)	1		
			Nghề xây dựng (8/12 – 12/12)	1		
			Ngày TLQĐNDVN (15/12 – 19/12)	1		
			Một số nghề phổ biến quen thuộc (22/12 – 26/12)	1		
Từ ngày 29/12 đến 23/1/2026	5	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình (29/12 - 2/1)	1		
			Động vật sống trong rừng (5/1 -9/1)	1		
			Động vật sống dưới nước (12/1 - 16/ 1)	1		
			Côn trùng, chim (19/1 - 23/1)	1		
Từ ngày 26/1 - 27/2/ 2026	6	Thế giới thực vật	Một số loại cây (26/1 - 30/ 1)	1	- Tết nguyên đán	
			Một số loại hoa, quả	1		

			(2/2 - 6/ 2)			
			Tết và mùa xuân (9/2 - 13/ 2)	1		
			Nghỉ tết nguyên đán (16/2 - 20/2) Một số loại rau, củ (23/2 - 27/2)	1		
Từ ngày 2/3 đến 27/3/2026	7	Giao thông – Ngày hội 8/3	Ngày hội 8/3 (2/ 3 – 6/ 3)	1	Ngày QTPN 8/3	
			Một số PTGT đường bộ (9/ 3 – 13/ 3)	1		
			Một số PTGT đường thủy - hàng không (16/3 - 20/3)	1		
			Một số quy định GT đường bộ (23/3 - 27/3)	1		
Từ ngày 30/3 đến 17/4/ 2026	8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	Một số hiện tượng tự nhiên (30/3 - 3/4)	1		
			Mùa hè (6/ 4 - 10/4)	1		
			Sự kỳ diệu của nước (13/4 - 17/4)	1		
Từ ngày 20/4 đến 22/5/ 2026	9	Quê hương đất nước - Bác Hồ	Quê hương Điện Biên (20/4 – 24/4) <i>Ôn tập: (27/4 – 1/5)</i>	1	- Sinh nhật Bác 19/5 - Tổng kết năm học	
			Đất nước (4/5 – 8/5)	1		
			Bác Hồ kính yêu (11/5 – 15/5)	1		
			Trường tiểu học (18/5 – 22/5)	1		
Tổng				35		

